

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số 4890 /BGTVT-TCCB

V/v thông báo Chỉ số cải cách hành chính năm 2017 của Bộ Giao thông vận tải

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2018

Kính gửi:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các cơ quan tham mưu giúp việc Bộ trưởng;
- Các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ.

Ngày 02/5/2018, Bộ Nội vụ đã tổ chức công bố chỉ số Cải cách hành chính (CCHC) năm 2017 của các bộ, ngành, địa phương; theo đó, Bộ Giao thông vận tải đạt 77,88/100 điểm, đứng thứ 14 trong số 19 Bộ/Ngành; so với những năm trước điểm số năm 2017 là rất thấp; số điểm bị trừ rất lớn; Bộ Giao thông vận tải thông báo chi tiết về kết quả, số điểm bị trừ và nguyên nhân trừ điểm của từng điểm số nói trên như sau:

T	Lĩnh vực CCHC	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Tỷ lệ đạt	Xếp thứ tự trong 19 Bộ ngành
	TỔNG	100	77.88	77.88%	14
1	Chỉ đạo điều hành	12	9.5	79.17%	12
2	Cải cách thể chế	17	13.9	81.76%	8
3	Cải cách thủ tục hành chính	16	11.2	70.00%	13
4	Cải cách tổ chức bộ máy	13	10.44	80.31%	12
5	Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	17	14.45	85.00%	12
6	Cải cách tài chính công	7.5	4.84	64.53%	19
7	Hiện đại hóa hành chính	17.5	13.55	77.43%	9

(phân tích chi tiết về điểm số Hội đồng đánh giá và Điểm điều tra xã hội học tại Phụ lục 1)

Như vậy, điểm số năm 2017 giảm 6,6 điểm so với năm 2016; giảm 10,89 điểm so với năm 2015 và giảm 5,18 điểm so với điểm trung bình cả giai đoạn 2012-2015. Tổng số điểm năm 2017 bị trừ so với thang điểm là 22,12 điểm (tương đương 22,12%); trong đó: Hội đồng đánh trừ 13,29/63,5 điểm (tương đương 20,9%) và Điều tra xã hội học bị trừ 8,83/36,5 điểm (tương đương 24,2%).

Trong số 13,29 điểm do Hội đồng đánh giá trừ thì nội dung Chỉ đạo điều hành bị trừ 2,5/12 điểm; Cải cách thể chế bị trừ 0,5/9,5 điểm; Cải cách thủ tục hành chính bị trừ 3/10 điểm; Cải cách tổ chức bộ máy bị trừ 1/7 điểm; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức bị trừ 1/9,5 điểm; Cải cách tài chính công bị trừ 2/3 điểm và Hiện đại hóa hành chính bị trừ 3,28/12,5 điểm.

(chi tiết những nội dung bị trừ điểm và nguyên nhân trừ tại Phụ lục 2)

Đề tăng Chỉ số CCHC cũng như đảm bảo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ CCHC của năm 2018 và những năm tiếp theo, Bộ Giao thông vận tải yêu cầu thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện những nhiệm vụ sau:

1. Các đồng chí Thủ trưởng tiếp tục chỉ đạo quyết liệt, có hiệu quả công tác CCHC theo lĩnh vực được phân công phụ trách;

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao; tổ chức thực hiện tốt các chương trình, kế hoạch, đề án CCHC và cải cách công vụ, công chức; đặc biệt chú trọng đến những lĩnh vực CCHC có điểm số chưa cao. Một số nội dung cần tập trung như sau:

a) Trên cơ sở nhiệm vụ được giao, rà soát lại các lĩnh vực/tiêu chí/tiêu chí thành phần của Chỉ số CCHC (nhất là những nội dung bị trừ điểm) để chỉ đạo sát sao việc xây dựng ban hành các kế hoạch, chương trình CCHC; thời hạn gửi các báo cáo; nội dung các báo cáo; việc cập nhật dữ liệu lên phần mềm; công bố, công khai thủ tục hành chính...bảo đảm các nhiệm vụ đều được tổ chức thực hiện theo kế hoạch, tiến độ, đầy đủ nội dung và đảm bảo chất lượng.

b) Tiếp tục chỉ đạo thực hiện kế hoạch CCHC gồm: Kế hoạch năm 2018; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2016 – 2020 và thực hiện các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch hoạt động năm 2018 của Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (theo phân công nhiệm vụ tại theo Quyết định số 613/QĐ-BGTVT ngày 27/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).

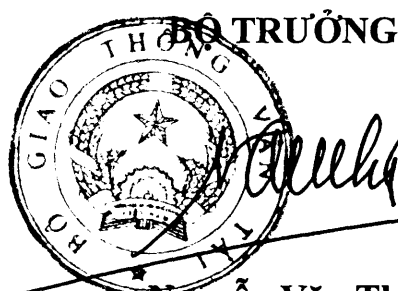
Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát hiện những nội dung chậm tiến độ, không đảm bảo chất lượng phải kịp thời báo cáo chi tiết về lý do, nguyên nhân chậm trễ, kém chất lượng, đồng thời chỉ ra những khó khăn, vướng mắc và chủ động đề xuất phương án khắc phục; ngoài kế hoạch CCHC chung của Bộ, Tổng cục và các Cục cần chủ động rà soát đối với kế hoạch CCHC năm 2018 của đơn vị mình đảm bảo tiến độ và chất lượng thực hiện.

3. Văn phòng Bộ chủ trì phối hợp với Báo Giao thông, Trung tâm Công nghệ thông tin và các cơ quan, đơn vị liên quan tăng cường công tác thông tin, truyền thông về các hoạt động của Bộ Giao thông vận tải nói chung và công tác cải cách hành chính nói riêng.

Đề nghị các cơ quan, đơn vị truy nhập trang thông tin điện tử của Bộ Nội vụ (<http://moha.gov.vn>) để tải Kết quả Chỉ số CCHC năm 2017 của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và bộ Chỉ số CCHC để nghiên cứu thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Báo Giao thông;
- Lưu: VT, TCCB (LeHa).



Nguyễn Văn Thể



Phụ lục 1

PHÂN TÍCH KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017 CỦA BỘ GTVT

Lĩnh vực CCHC	Tổng cộng				Trong đó:					
					Hội đồng đánh giá			Điểm điều tra XHH		
	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Tỷ lệ	Xếp thứ tự trong 19 Bộ ngành	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Tỷ lệ	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Tỷ lệ
TỔNG	100	77.88	77.88%	14	63.5	50.22	79.1%	36.5	27.66	75.78%
1 Chỉ đạo điều hành	12	9.5	79.17%	12	12	9.5	79.2%	0	0	
2 Cải cách thể chế	17	13.9	81.76%	8	9.5	9	94.7%	7.5	4.9	65.33%
3 Cải cách thủ tục hành chính	16	11.2	70.00%	13	10	7	70.0%	6	4.2	70.00%
4 Cải cách tổ chức bộ máy	13	10.44	80.31%	12	7	6	85.7%	6	4.44	74.00%
5 Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức	17	14.45	85.00%	12	9.5	8.5	89.5%	7.5	5.95	79.33%
6 Cải cách tài chính công	7.5	4.84	64.53%	19	3	1	33.3%	4.5	3.84	85.33%
7 Hiện đại hóa hành chính	17.5	13.55	77.43%	9	12.5	9.22	73.8%	5	4.33	86.60%



Phụ lục 2

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017 CỦA BỘ GTVT

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
	Tổng cộng	100	77.88	-22.12	
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	12	9.5	-2.5	
1.1	Kế hoạch CCHC năm	1.5	1.5		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	0.5	0.5		
1.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch CCHC	1	1		
1.2	Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ	3.5	2.5	-1	Trừ 1 điểm do Báo cáo năm ứng dụng công nghệ thông tin chậm (Trung tâm CNTT chủ trì nội dung này)
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	2.5	2.5		
1.3.1	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương) được kiểm tra trong năm	1	1		
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1.5	1.5		
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2	2		
1.4.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	1		
1.4.2	Thực hiện tuyên truyền về CCHC	1	1		
1.5	Sáng kiến hoặc giải pháp mới trong cải cách hành chính	1	1		
1.6	Thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm	1.5	0	-1.5	Trừ 1,5 điểm do không đạt 100% báo cáo đúng thời hạn (quá hạn 82 nhiệm vụ, chưa hoàn thành 1 nhiệm vụ) (Văn phòng Bộ chủ trì nội dung này)
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỂ CHẾ THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA BỘ	17	13.9	-3.1	
2.1	Xây dựng VBQPPL trong năm theo chương trình xây dựng pháp luật đã được phê duyệt	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
2.2	Theo dõi thi hành pháp luật	2	1.5	-0.5	
2.2.1	Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật	1	0.5	-0.5	Trừ 0,5 điểm do Báo cáo không có thông tin về việc thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật (Vụ Pháp chế chủ trì nội dung này)
2.2.2	Xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật	1	1		
2.3	Xử lý VBQPPL sau rà soát	1.5	1.5		
2.4	Kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật	2	2		
2.4.1	Thực hiện kiểm tra văn bản theo thẩm quyền	0.5	0.5		
2.4.2	Xử lý văn bản trái pháp luật phát hiện qua kiểm tra	1.5	1.5		
2.5	Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	2	2		
2.5.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch thanh tra	1	1		
2.5.2	Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	1	1		
2.6	Tác động của cải cách đến thể chế, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	7.5	4.9	-2.6	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở
2.6.1	Vai trò của bộ đối với sự phát triển của ngành, lĩnh vực	1.5	0.95	-0.55	
2.6.2	Tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1	0.68	-0.32	
2.6.3	Tính hợp lý của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1	0.67	-0.33	
2.6.4	Tính khả thi của các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1	0.67	-0.33	
2.6.5	Tính kịp thời trong tổ chức triển khai các VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1.5	0.96	-0.54	
2.6.6	Tính kịp thời trong việc phát hiện và xử lý các bất cập, vướng mắc trong tổ chức thực hiện VBQPPL thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1.5	0.97	-0.53	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
3	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	16	11.2	-4.8	
3.1	Kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC)	3.5	3.5		
3.1.1	Thực hiện quy định về ban hành TTHC theo thẩm quyền	1	1		
3.1.2	Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính	1	1		
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1.5	1.5		
3.2	Công bố, công khai thủ tục hành chính	3	0	-3	
3.2.1	Công bố TTHC theo quy định của Chính phủ	1	0	-1	Trừ 1 điểm do Bộ chưa công bố các TTHC liên quan đến chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng quy định tại Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT (Văn phòng Bộ chủ trì nội dung này, tuy nhiên tại thời điểm công bố chậm nhiệm vụ này vẫn thuộc Vụ Pháp chế)
3.2.2	Nhập, đăng tải công khai TTHC vào Cơ sở dữ liệu quốc gia sau khi công bố	1	0	-1	Trừ 1 điểm do Bộ chưa công bố đầy đủ do đó chưa có dữ liệu để công khai đầy đủ; ngoài ra còn một số TTHC đã được công bố tại Quyết định số 278/QĐ-BGTVT nhưng chưa công khai lên CSDLQG về TTHC như: nhóm thủ tục Cấp Giấy chứng nhận mức tiêu thụ nhiên liệu đối với xe ô tô con loại từ 07 chỗ trở xuống; nhóm thủ tục Cấp Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (Văn phòng Bộ chủ trì nội dung này)
3.2.3	Công khai TTHC tại trụ sở cơ quan, đơn vị trực tiếp giải quyết TTHC thuộc bộ	0.5	0	-0.5	Trừ 0.5 điểm do Bộ chưa công bố đầy đủ do đó chưa có dữ liệu để công khai đầy đủ (Văn phòng Bộ chủ trì nội dung này)
3.2.4	Công khai TTHC trên Cổng thông tin điện tử của bộ	0.5	0	-0.5	Trừ 0.5 điểm do Bộ chưa công bố đầy đủ do đó chưa có dữ liệu để công khai đầy đủ (Văn phòng Bộ chủ trì nội dung này)
3.3	Tỷ lệ TTHC được giải quyết đúng hạn theo quy định	2	2		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
3.4	Công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1.5	1.5		
3.4.1	Tổ chức thực hiện việc tiếp nhận PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	0.5	0.5		
3.4.2	Xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của bộ	1	1		
3.5	Tác động của cải cách đến chất lượng quy định TTHC	6	4.2	-1.8	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
3.5.1	Mức độ rõ ràng, dễ hiểu về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1.5	1.06	-0.44	
3.5.2	Sự đơn giản, dễ kê khai đối với mẫu đơn, mẫu tờ khai trong hồ sơ TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1.5	1.08	-0.42	
3.5.3	Sự minh bạch, rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quy trình giải quyết TTHC do bộ công bố	1.5	1.05	-0.45	
3.5.4	Tính hợp lý về các quy định hồ sơ, trình tự thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ	1.5	1.01	-0.49	
4	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH	13	10.44	-2.56	
4.1	Thực hiện quy định của Chính phủ về tổ chức bộ máy	3	2	-1	
4.1.1	Sắp xếp tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc bộ	1	0	-1	Trừ 1 điểm do chưa ban hành đủ các quyết định quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị (đến nay Thủ tướng vẫn chưa ban hành quy định về chức năng nhiệm vụ của Tổng cục Đường bộ Việt Nam) (Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì nội dung này)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
4.1.2	Thực hiện quy định về cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	2	2		
4.2	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế được cấp có thẩm quyền giao	2	2		
4.2.1	Thực hiện quy định về sử dụng biên chế hành chính	1	1		
4.2.2	Thực hiện quy định về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	1	1		
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	2	2		
4.3.1	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ đã phân cấp cho địa phương	1	1		
4.3.2	Xử lý các vấn đề về phân cấp phát hiện qua kiểm tra	1	1		
4.4	Tác động của cải cách đến tổ chức bộ máy hành chính	6	4.44	-1.56	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
4.4.1	Tình hình thực hiện quy chế làm việc của bộ	1.5	1.38	-0.12	
4.4.2	Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc bộ	1.5	1.19	-0.31	
4.4.3	Tính hợp lý trong thông tư hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện do bộ ban hành	1.5	0.95	-0.55	
4.4.4	Tính hợp lý trong việc phân cấp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa bộ và địa phương	1.5	0.92	-0.58	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	17	14.45	-2.55	
5.1	Thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	2	2		
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của bộ bố trí công chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc bộ bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt	1	1		
5.2	Tuyển dụng công chức, viên chức	2	2		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức tại các cơ quan, đơn vị thuộc bộ (Vụ, Cục, Tổng cục và tương đương)	1	1		
5.2.2	Thực hiện quy định về tuyển dụng viên chức tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	1	1		
5.3	Thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức theo thẩm quyền của bộ	1	1		
5.3.1	Thực hiện quy định về thi nâng ngạch công chức	0.5	0.5		
5.3.2	Thực hiện quy định về thi, xét thăng hạng viên chức	0.5	0.5		
5.4	Thực hiện quy định về luân chuyển, bổ nhiệm vị trí lãnh đạo tại các đơn vị thuộc bộ	2	2		
5.5	Đánh giá, phân loại công chức, viên chức	1.5	0.5	-1	
5.5.1	Thực hiện trình tự, thủ tục đánh giá, phân loại công chức, viên chức theo quy định	0.5	0.5	0	
5.5.2	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1	0	-1	Trừ 1 điểm do trong năm 2017 Bộ GTVT có công chức/viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo quản lý bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên (các đơn vị có công chức/viên chức giữ chức vụ lãnh đạo bị kỷ luật gồm: Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Cục Đăng kiểm Việt Nam và Ban Quản lý dự án 7)
5.6	Mức độ hoàn thành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
5.7	Tác động của cải cách đến quản lý công chức, viên chức	3	2.74	-0.26	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
5.7.1	Tình trạng tiêu cực trong tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1.5	1.37	-0.13	
5.7.2	Tính công khai, minh bạch trong công tác tuyển dụng, bổ nhiệm công chức, viên chức	1.5	1.37	-0.13	
5.8	Tác động của cải cách đến chất lượng đội ngũ công chức của bộ	4.5	3.21	-1.29	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
5.8.1	Năng lực chuyên môn của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.5	1.04	-0.46	
5.8.2	Tinh thần trách nhiệm của công chức trong phối hợp, xử lý công việc	1.5	1.06	-0.44	
5.8.3	Tình trạng công chức lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân	1.5	1.11	-0.39	
6	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG	7.5	4.84	-2.66	
6.1	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính	1	0	-1	Trừ 1 điểm do Bộ chưa gửi báo cáo NĐ 130 trên Hệ thống phần mềm (Vụ Tài chính chủ trì nội dung này)
6.2	Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc bộ	2	1	-1	
6.2.1	Số đơn vị SNCL tự đảm bảo chi thường xuyên	0.5	0	-0.5	Trừ 0.5 điểm do trong năm 2017 không có thêm đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức đảm bảo chi thường xuyên (không tính trường hợp giao lại) (Vụ Tài chính chủ trì nội dung này)
6.2.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.5	0	-0.5	Trừ 0.5 điểm do trong năm 2017 không có thêm đơn vị SNCL được giao tự chủ ở mức đảm bảo một phần chi thường xuyên (không tính trường hợp giao lại) (Vụ Tài chính chủ trì nội dung này)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
6.2.3	Tỷ lệ đơn vị SNCL thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm	1	1		
6.3	Tác động của cải cách đến quản lý tài chính công	4.5	3.84	-0.66	
6.3.1	Thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng kinh phí của bộ	1.5	1.31	-0.19	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
6.3.2	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính	1.5	1.31	-0.19	
6.3.3	Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập	1.5	1.22	-0.28	
7	HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH	17.5	13.56	-3.94	
7.1	Ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của bộ	4.5	2.4	-2.1	
7.1.1	Mức độ hoàn thành kế hoạch ứng dụng CNTT	1	0.9	-0.1	Trừ 0.1 điểm do theo QĐ số 2645/QĐ-BGTVT ngày 13/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT, số nhiệm vụ, dự án chủ yếu trong năm 2017 là 10 nhiệm vụ. Theo Báo cáo số 34/BC-TTCNTT ngày 30/01/2018 của Trung tâm CNTT - Bộ GTVT, xấp xỉ 9/10 nhiệm vụ đã được triển khai (Trung tâm CNTT chủ trì nội dung này)
7.1.2	Xây dựng và triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử của bộ	1	0	-1	Trừ 1 điểm do chưa xây dựng Kiến trúc Chính phủ điện tử theo Quy định tại QĐ 1819/QĐ-TTg; văn bản 1178/BTTTT-THH ban hành Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam phiên bản 1.0 và hướng dẫn của Bộ TT&TT tại văn bản 2384/BTTTT-THH ngày 27/5/2015 (Trung tâm CNTT chủ trì nội dung này)
7.1.3	Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc bộ dưới dạng điện tử	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
7.1.4	Áp dụng hình thức thi trên máy tính trong các kỳ thi tuyển dụng, thi nâng ngạch công chức và thi thăng hạng viên chức	1	0	-1	Trừ 1 điểm do chưa có đơn vị nào áp dụng hình thức thi tuyển công chức, viên chức trên máy tính (Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì nội dung này)
7.1.5	Tỷ lệ Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc bộ sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành tác nghiệp trong xử lý công việc	0.5	0.5		
7.2	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2.5	1.82	-0.68	
7.2.1	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm	0.5	0.25	-0.25	Trừ 0.25 điểm do: Căn cứ báo cáo UDCNTT tại CV số 1451/BGTVT-TTCNTT ngày 7/2/2018, tổng số TTHC mức độ 3, 4 sau khi kiểm tra là: 252/255 TTHC, trong đó: - 01 TTHC mức độ 3 và 02 TTHC mức độ 4 không thấy trên website cung cấp dịch vụ; - Có 178 TTHC có số lượng HSTT nhưng không cung cấp tổng số hồ sơ (Trung tâm CNTT chủ trì nội dung này)
7.2.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 3	1	0.57	-0.43	Trừ 0.43 điểm do: Căn cứ báo cáo UDCNTT tại CV số 1451/BGTVT-TTCNTT ngày 7/2/2018, Bộ không khai báo tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trong năm (Trung tâm CNTT chủ trì nội dung này)
7.2.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được xử lý trực tuyến mức độ 4	1	1	0	
7.3	Thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)	2.5	2	-0.5	
7.3.1	Tỷ lệ TTHC đã triển khai có phát sinh hồ sơ tiếp nhận hoặc trả kết quả giải quyết qua dịch vụ BCCI	0.5	0	-0.5	Trừ 0.5 điểm do: Theo BC kết quả kiểm soát TTHC (Biểu mẫu 6e): có 8 TTHC có phát sinh hồ sơ trên 30 TTHC đã triển khai. Như vậy kết quả khoảng 26,6% (vì nhiều TTHC không có phát sinh hồ sơ theo mẫu 6e) hoặc bổ sung số liệu kiểm chứng
7.3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ BCCI	1	1		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Thang điểm	Điểm số của Bộ GTVT	Điểm bị trừ	Ghi chú (Lý do trừ điểm)
7.3.3	Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC được trả qua dịch vụ BCCI	1	1		
7.4	Áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001) theo quy định	3	3		
7.4.1	Công bố ISO 9001 tại cơ quan bộ	1	1		
7.4.2	Tỷ lệ cơ quan hành chính thuộc bộ (Cục, Tổng cục và tương đương) đã công bố ISO 9001 tại đơn vị	1	1		
7.4.3	Tỷ lệ cơ quan thực hiện đúng việc duy trì, cải tiến ISO 9001 theo quy định	1	1		
7.5	Tác động của cải cách đến hiện đại hóa hành chính	5	4.34	-0.66	Theo kết quả điều tra xã hội học (do Bộ Nội vụ thực hiện việc điều tra. Đối tượng điều tra XHH là: (1) Lãnh đạo cấp Vụ/Cục/Tổng cục thuộc Bộ, (2) Lãnh đạo các Sở GTVT, (3) Lãnh đạo cấp phòng thuộc các Sở GTVT (4) Công chức phụ trách công tác CCHC.
7.5.1	Tính kịp thời của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ	1	0.84	-0.16	
7.5.2	Mức độ đầy đủ của thông tin được cung cấp trên Cổng/Trang thông tin của bộ	1	0.81	-0.19	
7.5.3	Mức độ thuận tiện trong việc truy cập, khai thác thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử của bộ	1	0.98	-0.02	
7.5.4	Chất lượng xử lý công việc trên môi trường mạng trong khối cơ quan bộ	1	0.83	-0.17	
7.5.5	Tính hiệu quả trong việc thực hiện quy trình ISO	1	0.88	-0.12	

Tổng số điểm bị trừ:	-22.12	22.12%
Trong đó:		
- Điểm bị trừ cho Hội đồng đánh giá (có phân trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị chủ trì):	-13.29	20.91%
- Điểm bị trừ do Điều tra xã hội học:	-8.83	24.19%